

Số: 2750 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ--TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 193/TTr-SNN ngày 06 tháng 9 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

### Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông công khai thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; tổ chức thực hiện và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương công khai, thực hiện thủ tục hành chính nội bộ đảm bảo đúng quy định; tổ chức rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thành trước ngày tháng 10 năm 2024.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND

các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Hùng**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG CƠ QUAN**  
**HÀNH CHÍNH NƯỚC THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
*(Kèm theo Quyết định số 2750 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024*  
*của Chủ tịch của UBND tỉnh Hải Dương)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thú y</b>
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương (cấp huyện)
2	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh
3	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh
4	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản
5	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản
6	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>
1	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung
2	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.
3	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh
4	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>
1	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Nông thôn mới</b>

1	Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu
2	Thủ tục thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Phát triển nông thôn</b>
1	Thủ tục thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thú y</b>
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương (cấp xã)
2	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.
3	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>
1	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện

## **Phần II**

### **NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Thủ tục: Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương (cấp huyện)** (Điểm d, khoản 4, Điều 27, Luật Thú y; Khoản 3, Điều 6 Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017)

**a) Trình tự thực hiện:** Căn cứ vào điểm d, khoản 4 Điều 27 Luật Thú y

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình về việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn của UBND cấp huyện.

- Dự thảo Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y).

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.

**2. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh (Điều 26, Luật Thú y)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ đề nghị của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y và dịch bệnh xảy ra từ hai huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.

- Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc công bố dịch bệnh động vật.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị

- Dự thảo Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định Công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm

quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.
- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

**3. Thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.** (Điều 31, Luật Thú y; Điều 11, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đề nghị Cục Thú y thẩm định điều kiện công bố hết dịch xảy ra từ 02 huyện trở lên.

- Sau khi thẩm định điều kiện công bố hết dịch, Cục Thú y có văn bản chấp thuận và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hết dịch bệnh động vật.

- Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật gửi Cục Thú y;

- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Cục Thú y;

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y  
- Sở Nông nghiệp và PTNT.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y vùng.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (Điều 11, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016).**

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc



bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật mắc cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mắc cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

#### **4. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản**

(Điều 34, Luật Thú y; Điều 20, Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016)

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch bệnh động vật.

- Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thú y.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản;

- Dự thảo Quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

**d) Thời hạn giải quyết:** 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y – Sở Nông nghiệp và PTNT.

##### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

##### **g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của UBND tỉnh Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Công bố dịch bệnh động vật thủy sản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

- Có văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

## **5. Thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản**

*(Điều 36, Luật Thú y; Điều 23 Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016)*

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Sau ít nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch mới và đã thực hiện các biện pháp quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều 36 của Luật Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y báo cáo bằng văn bản và đề nghị Cục Thú y thẩm định Điều kiện công bố hết dịch.

- Cục Thú y trực tiếp hoặc ủy quyền cho Cơ quan Thú y vùng tổ chức thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong thời gian không quá 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ngay sau khi hoàn thành việc thẩm định Điều kiện công bố hết dịch, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền có văn bản trả lời đề Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổng hợp báo cáo, tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố hết dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật thú y; trường hợp Điều kiện công bố hết dịch chưa bảo đảm, Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y được ủy quyền hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các biện pháp cần thiết đáp ứng Điều kiện công bố hết dịch.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thẩm định Điều kiện công bố hết dịch bệnh
- Văn bản trả lời của Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y vùng được ủy quyền;
- Tổng hợp báo cáo thẩm định Điều kiện công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.
- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.

### **d) Thời hạn giải quyết:**

Thẩm định Điều kiện công bố hết dịch trong vòng 48 giờ đối với các xã thuộc vùng đồng bằng hoặc 72 giờ đối với các xã thuộc vùng sâu, vùng xa kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT.

### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh, Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Cơ quan phối hợp, thẩm định: Cục Thú y hoặc Cơ quan Thú y vùng;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.

**h) Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Điều kiện để công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm:

- Không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới kể từ khi ổ dịch bệnh động vật cuối cùng được xử lý theo quy định đối với từng bệnh;

- Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch bệnh động vật trong vùng có dịch;

- Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được Cục Thú y thẩm định, công nhận.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**6. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản** (Điều 6, Thông tư 04/2016/BNN-PTNT ngày 10/5/2016)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Xây dựng kế hoạch hằng năm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình phê duyệt kế hoạch: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 30/11 hằng năm.

- Gửi kế hoạch đã được phê duyệt đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch.

- Dự thảo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trước ngày 30/11 hằng năm.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**h) Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 04/2016/TTBNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**7. Thủ tục: Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung** (Khoản 2, Điều 62 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018).

**a) Trình tự thực hiện:**

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp liên huyện (02 huyện trở lên) có vùng sản xuất hàng hóa tập trung thực hiện các bước sau đây:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp liên huyện xây dựng dự thảo kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn huyện hoặc vùng tập trung liên huyện.

- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan,

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, đề án.

**Xem lại**

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

\* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch, dự thảo.

- Dự thảo kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Văn bản góp ý của các đơn vị liên quan.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp liên huyện (khi vùng sản xuất hàng hóa tập trung nằm ở 2 huyện trở lên).

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

**h) Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, Điều 62 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

**Phụ lục**

Tờ trình về việc Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung**  
**Trên địa bàn huyện .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Nội dung

- Căn cứ các vấn đề cần đề xuất
- Lý do, nội dung đề xuất
- Kiến nghị cấp trên ...

Ủy ban nhân dân huyện ... trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, lập kế hoạch, Đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn huyện .... Đề địa phương có cơ sở triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**8. Thủ tục: Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa (Điều 71 Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018).**

**a) Trình tự thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018.

**9. Thủ tục: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh.** (Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa).

**a) Trình tự thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

\*Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề xuất của UBND cấp huyện
- Văn bản đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trước ngày 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội.

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Phụ lục I**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU**  
**CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP TỈNH**  
*(Kèm theo Nghị định số 112 /2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024*  
*của Chính phủ)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ- ...

..., ngày ... tháng... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi**  
**trên đất trồng lúa năm ...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

*Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ...;*

*Theo đề nghị ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều ...**

**Điều ...**

*Nơi nhận:*

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ ...**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN  
ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM...**

*(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND*

*ngày ... tháng... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				...
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	<b>Tổng số</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	<b>Trong đó:</b>					
1	<b>Huyện A</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	<b>Huyện B</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	<b>Huyện ....</b>					
...	.....					

**10. Thủ tục: Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh** (*Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu*).

**a) Trình tự thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để tổng hợp.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định

- Dự thảo Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*** Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

**11. Thủ tục: Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh** (Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH3 ngày 25/11/2013 và Điều 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật).

**a) Trình tự thực hiện:**

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

- Quyết định công bố dịch hại thực vật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

- Công bố Quyết định: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV)

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV)

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV)

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh
- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);
- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);
- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

+ Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

+ Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

- Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ: Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;



- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Phụ lục**  
**Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/ huyện/ tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại) trên.....(tên cây trồng).....**  
**Trên địa bàn.....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt

Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi)

Phần 3: Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố phê duyệt và ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**BÁO CÁO**

**Tình hình** (tên sinh vật gây hại)...(tên cây trồng) ...**trên địa bàn**  
(kèm theo Tờ trình số...Ngày...của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI**

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo)

**II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN**

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện

(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)

2. Kết quả phòng trừ

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

Gồm: Giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.

2. Dự kiến:

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
- Địa điểm bùng phát dịch hại;
- Khả năng thiệt hại năng suất (%).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm BVTV vùng;
- Lưu: VT, BVTV.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục**

**Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN .... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ... Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố dịch (tên dịch hại) hại (tên cây trồng)...**  
**trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh).....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.**

Các căn cứ Pháp lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số:....  
 ngày.... tháng ... năm...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố dịch (tên dịch hại) ... hại (tên cây trồng) ... trên phạm vi  
 (xã/huyện/tỉnh) .....từ ngày.....

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ  
 thể)

*Một số nội dung tham khảo:*

- *Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công  
 bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo  
 chống dịch;*

- *Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ  
 để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;*

- *Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại...và biện pháp chống  
 dịch.*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi  
 hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)*

**12. Thủ tục: Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh** (Khoản 2 Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật và Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật).

**a) Trình tự thực hiện:**

- Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch: Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Quyết định công bố hết dịch hại thực vật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Công bố Quyết định: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch. Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định công bố hết dịch theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/ huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Phụ lục 6****Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/ huyện/ tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**TỜ TRÌNH****Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại).....hại (tên cây  
trồng)..... trên địa bàn.....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên.*(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi  
cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch phê duyệt và ra  
quyết định./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)*



**Phụ lục 7**  
**Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày...tháng...năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố hết dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây  
trồng).....trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh)...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (tên dịch hại)...hại (tên cây  
trồng)...hiện nay trên địa bàn toàn (xã, huyện, tỉnh)

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình  
số:..ngày..tháng...năm....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố hết dịch (tên dịch hại)...hại (tên cây trồng)...trên phạm  
vi (xã/huyện/tỉnh).....từ (thời gian)

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm:

*Một số nội dung tham khảo:*

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết  
định công bố hết dịch;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên  
đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại  
của dịch hại;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế  
độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi  
hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

**13. Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu** (Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 3; Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

Ủy ban nhân dân xã tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và trên hệ thống truyền thanh của xã ít nhất 05 lần trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

- Hoàn thiện hồ sơ

UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận

UBND xã gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu gửi trực tiếp hoặc điện tử (qua Hệ thống Quản lý văn bản & điều hành tác nghiệp) đến UBND cấp huyện.

- Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do.

UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

- Hoàn thiện hồ sơ

UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện - viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND tỉnh.

- Tổ chức thẩm định, công nhận

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa họp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND tỉnh (giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh), gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh là một lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn.

- Công bố

Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp huyện công bố xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; thời hạn tổ chức công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai). Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu do UBND cấp huyện chủ trì thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:** 01 bộ.

*(i) Hồ sơ gửi UBND cấp huyện:*

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã.

*(ii) Hồ sơ gửi UBND tỉnh:*

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21, Mẫu số 22, Mẫu số 23 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính).

- Kèm theo hồ sơ của UBND xã đã gửi UBND cấp huyện.

***d) Thời hạn giải quyết:***

- Lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày;

- UBND cấp huyện trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- UBND tỉnh (giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trả lời UBND cấp huyện về hồ sơ hợp lệ để xét, công nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Công bố quyết định: 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** UBND cấp xã

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện; Ủy ban MTTQ Việt nam tỉnh; các sở, ngành liên quan (khoản 2 Điều 8 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg; khoản 2 Điều 9 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg)

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo mẫu số 34.1 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định 18/2022/QĐ-TTg.

***h) Phí, lệ phí (nếu có):*** Không quy định

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM,

NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21, Mẫu số 22, Mẫu số 23 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Xã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi:

- Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao); Bộ tiêu chí về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM kiểu mẫu);

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định;

- Xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn

mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

### CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN

*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới (của UBND xã).
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao (của UBND xã).
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 13	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 16	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND xã).
Mẫu số 17	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 21	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 22	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 23	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 27	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).

**Mẫu số 01**



**ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TTtr-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20....

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

UBND xã ..... kính trình UBND huyện/thị xã/thành phố..... thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND xã..... về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu).

3. Báo cáo của UBND xã..... tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã ..... (bản chính).

4. Báo cáo của UBND xã..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã..... (bản chính).

5. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã.....

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố  
..... xem xét, thẩm tra.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND**  
**CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TTr-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

UBND huyện/thị xã/thành phố ..... kính trình UBND tỉnh/thành phố ..... thẩm định, xét công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... (bản chính).

2. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí xã: nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã).

3. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã ..... (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố ..... về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã ..... đối với việc công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của UBND xã ..... nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố ..... xem xét, thẩm định.

*Nơi nhận:*

- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20....

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm..... của xã.....,  
huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

### **I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

### **II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

### **III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
  2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
    - a) Công tác truyền thông.
    - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
  3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
    - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
    - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
    - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
  4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới
- Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:
- Ngân sách trung ương: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
  - Ngân sách cấp tỉnh: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
  - Ngân sách cấp huyện: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
  - Ngân sách xã: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
  - Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm .....%;
  - Vốn tín dụng: ..... triệu đồng, chiếm .....%;

- Doanh nghiệp: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp: ..... triệu đồng, chiếm .....%.
- Vốn huy động khác (nếu có): ..... triệu đồng, chiếm .....%.

#### **IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

#### **V. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

#### **VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới**

1. Quan điểm
2. Mục tiêu

## 3. Nội dung, giải pháp

*Nơi nhận:*

- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ ...**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG  
 THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....**

**của xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày...tháng...năm 20... của UBND xã .....*)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn <i>(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</i>	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1. ....			
		1.2. ....			
		....			
2		2.1. ....			
		2.2. ....			
		....			
...		....			

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ....**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

### **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm ..... của xã  
....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

#### **I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

#### **II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

#### **III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
  - a) Công tác truyền thông.
  - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
  - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
  - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
  - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó: ..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

#### **IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

1. Xã ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới).

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là ...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):



2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

### **V. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

### **VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ ...**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG  
THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM .....**

**của xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

*(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày ...tháng... năm 20... của UBND xã.....)*

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Yêu cầu đạt chuẩn</b> <i>(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</i>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>
1		1.1. ....			
		1.2. ....			
		....			
2		2.1. ....			
		2.2. ....			
		....			
....		....			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu về ..... đến năm ... của xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

**I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

**II. Căn cứ triển khai thực hiện**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

**III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
  2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
    - a) Công tác truyền thông.
    - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
  3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
    - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
    - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
    - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
  4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu
- Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó: ..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

**IV. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Xã ... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao năm... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao).
2. Thu nhập bình quân đầu người của xã.
3. Có ..... mô hình thôn thông minh (cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện từng mô hình).

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về..... (cần nêu cụ thể lĩnh vực kiểu mẫu của xã: về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự,...)

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực..... là ...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

4.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4.n. Tiêu chí số..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

## **V. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

## **VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

### 3. Nội dung, giải pháp

*Nơi nhận:*

- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND XÃ ...**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG  
THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ... ĐẾN NĂM...**

**của xã....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

*(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày:.. tháng ... năm 20... của UBND  
xã.....)*

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể UBND cấp tỉnh quy định)</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>
1		1.1. .....			
		1.2. .....			
		...			
2		2.1. .....			
		2.2. .....			
		...			
...		...			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO**

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu đến năm... trên địa bàn xã..., huyện/thị xã/thành phố..., tỉnh/thành phố...**

**I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia**

- .....

- .....

**II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... trên địa bàn xã .....**

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý

kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,...)

- Hình thức tham gia ý

kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

**III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã**

- .....

- .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

TM. UBND XÃ ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

**BIÊN BẢN****Họp đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .... /..... /..... của UBND xã..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã.

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .... /..... /..... của UBND xã ..... về kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã.

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày .... /..... /..... tại ....., UBND xã ..... (huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

**II. NỘI DUNG CUỘC HỌP**

1. UBND xã báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu của xã; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị, xét công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

- .....

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... là ...../tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.



Biên bản kết thúc hội ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện/thị xã/thành phố..... bản.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BIÊN BẢN

### Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .... /..... /..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã .....

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày .... /..... /..... của UBND huyện/thị xã/thành phố ..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã .....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày .... /..... /..... tại ....., UBND huyện/thị xã/thành phố ..... (tỉnh/thành phố .....) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

#### I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;

- .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

#### II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo: Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã .....; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với xã .....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

- .....

- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... là ...../tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hội ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành .....bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/thành phố lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND tỉnh/thành phố ..... bản.

**THƯ KÝ CUỘC HỌP**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... đối với xã ....., huyện/thị xã/TP ....., tỉnh/TP .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã ....., UBND huyện/thị xã/thành phố ..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm..... đối với xã ....., cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới (*cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể*)

3.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

3.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

- .....

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

- .....

## II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../19 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

- .....

- .....

## III. KIẾN NGHỊ

1. ....

n. ....

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC  
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....**

**đối với xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

*(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày... tháng... năm 20.... của UBND  
huyện/thị xã/TP .....*)

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã/TP</b>
1		1.1. .....			
		1.2. .....			
		....			
2		2.1. .....			
		2.2. .....			
		....			
....		....			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm ..... đối với xã ....., huyện/thị xã/TP ....., tỉnh/TP .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày  
...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới  
nâng cao năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng  
cao trên địa bàn xã ....., UBND huyện/thị xã/thành phố ..... báo cáo kết quả  
thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm ..... đối  
với xã ....., cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

3. Xã ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... (*cần  
nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định  
công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới*).

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng  
cao (*cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể*)

4.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực  
hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

4.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

.....

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

.....

## II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../19 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

- .....

- .....

## III. KIẾN NGHỊ

1. ....

n. ....

Nơi nhận:

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC  
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM.....**

**đối với xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố .....**

*(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày ..... tháng.... năm 20.... của UBND  
huyện/thị xã/TP .....*)

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã/TP</b>
1		1.1. .....			
		1.2. .....			
		....			
2		2.1. .....			
		2.2. .....			
		....			
....		....			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về .....năm .....đối với xã ....., huyện/thị xã/TP ....., tỉnh/TP .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày  
...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới  
kiểu mẫu về ..... năm .....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới kiểu  
mẫu về ..... trên địa bàn xã ....., UBND huyện/thị xã/thành phố ..... báo  
cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu về  
.....năm .....đối với xã ....., cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ
2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu
3. Xã ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao  
năm ..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm  
quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).
4. Về thu nhập bình quân đầu người của xã.
5. Về mô hình thôn thông minh (cần đánh giá cụ thể kết quả thực hiện từng mô  
hình).
6. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu  
mẫu về ..... (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể)
  - 6.1. Tiêu chí số ..... về .....:
    - a) Yêu cầu của tiêu chí: .....
    - b) Kết quả thực hiện tiêu chí:
      - Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
      - Các nội dung đã thực hiện: .....
      - Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

6.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu về .....

8. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu.....

## II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về .....

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu về ..... của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về ..... tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../tổng số ..... tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu về .....

## III. KIẾN NGHỊ

1. ....

n. ....

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC  
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VỀ... ĐẾN NĂM...**

**đối với xã ....., huyện/thị xã/thành phố ....., tỉnh/thành phố.....**

*(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày.... tháng ..... năm 20.... của UBND  
huyện/thị xã/TP....)*

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b> <i>(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể UBND cấp tỉnh quy định)</i>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã/TP</b>
1		1.1. ....			
		1.2. ....			
		....			
2		2.1. ....			
		2.2. ....			
		....			
....		....			

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm.... đối với xã ....., huyện/thị xã/TP ....., tỉnh/TP .....**

### I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....

- .....

### II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/xã nông thôn mới kiểu mẫu năm .... đối với xã .....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (tên đơn vị, tổ chức: .....

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

### III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố

- .....

- .....

Nơi nhận:

- .....
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**  
**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**14. Thủ tục thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu** (Căn cứ pháp lý: Điều 23, 24, 25 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg)

**a) Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của cấp huyện trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

- Hoàn thiện hồ sơ

UBND cấp huyện bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và UBND xã trên địa bàn cấp huyện bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; gửi hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với từng xã không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp hoặc điện tử (qua hệ thống Quản lý văn bản & điều hành tác nghiệp).

- Tổ chức thẩm định, thu hồi quyết định công nhận

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu thì UBND tỉnh (giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

- c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: 01 bộ.

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

d) Thời hạn giải quyết:

- Lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày;

- UBND tỉnh (giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Các sở, ngành liên quan (khoản 2 Điều 25 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu bị thu hồi quyết định công nhận khi có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí xã (trong đó có một trong các tiêu chí: Thu nhập; Môi trường và an toàn thực phẩm; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Quốc phòng và An ninh) hoặc có từ 50% số tiêu chí xã trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo

yêu cầu của: Bộ tiêu chí về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM); Bộ tiêu chí về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (đối với xã NTM nâng cao và xã NTM kiểu mẫu).

- Trường hợp xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu được Kiểm toán nhà nước hoặc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh (gọi tắt là cơ quan thanh tra) tiến hành kiểm toán, thanh tra xác định phải thu hồi quyết định công nhận: Việc xét, thu hồi quyết định công nhận theo kết luận của Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan thanh tra, thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

**CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN**

*(Kèm theo Quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).
Mẫu số 08	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp huyện).



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới năm ..... của xã .....**

### I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Xã..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM).

2. .... (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM).

### II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

### III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó: ..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

### IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là: ...../19 tiêu chí, chiếm ....., cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

1.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

- .....

- .....

**V. Kết luận** (cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

- .....

- .....

**VI. Kiến nghị**

- .....

- .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- Lưu: VT .....

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT  
CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM .....**

**của xã .....**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày... tháng ... năm 20... của UBND  
huyện/TX/TP .....*)

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn</b> <i>(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</i>	<b>Kết quả đánh giá</b>
1		1.1. ....		
		1.2. ....		
		...		
2		2.1. ....		
		2.2. ....		
		...		
...		...		

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

### Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm ..... của xã .....

#### I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Xã ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm ..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao).
2. .... (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao).

#### II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

#### III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Về chỉ đạo, điều hành
2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn
  - a) Công tác truyền thông.
  - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
  - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
  - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
  - c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
4. Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó: ..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

#### IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là: ...../19 tiêu chí, chiếm .....%, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

1.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (*đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

- .....

- .....

**V. Kết luận** (*cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định*)

- .....

- .....

**VI. Kiến nghị**

- .....

- .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(*Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT  
CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM...  
của xã .....**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ... tháng... năm 20... của UBND  
huyện/TX/TP .....*)

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)</b>	<b>Kết quả đánh giá</b>
1		1.1. ....		
		1.2. ....		
		...		
2		2.1. ....		
		2.2. ....		
		...		
...		...		

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu năm  
..... của xã .....**

### I. Khái quát đặc điểm tình hình

- Xã ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... (cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).
- ..... (cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao/kiểu mẫu).

### II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

### III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu

- Về chỉ đạo, điều hành
- Về truyền thông, đào tạo, tập huấn
  - Công tác truyền thông.
  - Công tác đào tạo, tập huấn.
- Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
  - Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
  - Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
  - Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
- Về huy động nguồn lực (từ khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó: ..... (cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).

### IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã ..... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm đánh giá (tháng.../20...) là: ...../19 tiêu chí, chiếm .....%, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

1.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí ..... (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã:

- .....

- .....

**V. Kết luận** (cần khẳng định rõ xã đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

- .....

- .....

**VI. Kiến nghị**

- .....

- .....

**Nơi nhận:**

- .....

- .....

- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN  
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM...**

**của xã .....**

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ... tháng... năm 20... của UBND  
huyện/TX/TP ...)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả đánh giá
1		1.1. ....		
		1.2. ....		
		....		
2		2.1. ....		
		2.2. ....		
		....		
....		....		

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã.....**

### I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....  
- .....

### II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của xã .....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (tên đơn vị, tổ chức: .....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

### III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố

.....

**Nơi nhận:**

- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**  
**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**15. Thủ tục: Thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống** (*Khoản 6 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; Khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương*).

**a) Trình tự thực hiện:**

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo tiêu chí theo quy định.

UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ**

- Tờ trình của UBND cấp huyện về việc đề nghị thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Dự thảo Quyết định Thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cơ quan phối hợp giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định Thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

h) Phí, lệ phí: không.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (*mẫu 01*);

- Báo cáo tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (*mẫu 02*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành “Quy định về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND ..... ngày.... tháng ....năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**V/v thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Hải Dương quy định về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Sau khi xem xét nội dung Báo cáo số .../BC-UBND ngày... tháng... năm ... của UBND xã/phường/thị trấn.... về tình hình hoạt động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống.... và kết quả rà soát, thẩm định của các phòng chuyên môn có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố ... kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống (nêu danh sách cụ thể) vì không đạt tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, cụ thể:

1. Không đảm bảo về tiêu chí tỷ lệ số hộ làm nghề/tổng số hộ của làng theo quy định (nếu có)
2. Không đảm bảo tiêu chí về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định (nếu có)

Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố ... đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu ...

**TM. UBND**

(ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày.... tháng ....năm 20...

### BÁO CÁO

#### Tình hình hoạt động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống

- Tên làng nghề:.....

- Địa chỉ: .....

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh: .....

Báo cáo tình hình hoạt động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống, trong đó cần nêu một số nội dung chính sau:

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội

2. Đánh giá thực trạng hoạt động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống.

- Nêu tóm tắt quá trình hình thành, phát triển và sự biến động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống:

- Số hộ tham gia hoạt động nghề của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống hiện nay:

- Tỷ lệ số hộ làm nghề/ tổng số hộ của làng hiện nay:

- Đánh giá về việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống theo quy định:

- Những khó khăn, hạn chế trong hoạt động của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống:

4. Các giải pháp khắc phục những tiêu chí của nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống đã triển khai tại địa phương:

5. Đánh giá tác động của việc thu hồi nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống

6. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định thu hồi bằng công nhận/danh hiệu nghề truyền thống/làng nghề/làng nghề truyền thống ... vì không đảm bảo tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về

Phát triển ngành nghề nông thôn.

*Nơi nhận:*

- UBND huyện....
- Lưu...

**T.M UBND XÃ....**  
*(ký tên, đóng dấu)*

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

**1. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương (cấp xã) (Điểm d, khoản 5, Điều 27, Luật Thú y; Khoản 3, Điều 6 Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017).**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình về việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn của UBND cấp xã.

- Dự thảo Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kế hoạch & Tài chính cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.

- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.



**2. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện (Điều 26, Luật Thú y)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công bố dịch bệnh động vật của Cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện;

- Dự thảo Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị công bố dịch bệnh động vật.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND cấp huyện, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định Công bố dịch bệnh động vật trên cạn của UBND cấp huyện.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

### **3. Thủ tục: Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện (Điều 31, Luật thú y)**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch bệnh động vật.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp huyện;

- Văn bản chấp thuận công bố hết dịch của Chi cục Chăn nuôi và Thú y;

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch động vật trên cạn.

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

#### **e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng UBND cấp huyện, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn của UBND cấp huyện.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh

trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y;

- Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

**4. Thủ tục: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện** (Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội; Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa).

**a) Trình tự thực hiện:**

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và đề nghị của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**b) Cách thức thực hiện:** Trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Hải Dương.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của UBND cấp xã.

- Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh của UBND tỉnh Hải Dương.

- Quy hoạch sử dụng đất của huyện; Kế hoạch sử dụng đất trong năm của huyện.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện.

**h) Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định.

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Trồng trọt năm 2018;

- Chỉ thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang cây trồng lâu năm đối với đất trồng lúa còn lại;

- Không được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao;

- Phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa do cấp có thẩm quyền ban hành;

- Không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình đê điều, công trình phục vụ trực tiếp sản xuất lúa;

- Không làm ảnh hưởng đến việc canh tác đối với diện tích đất trồng lúa liền kề.

- Việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản thì được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội.

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Phụ lục II**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU**  
**CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP**  
**TỈNH/HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ**

*(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH /HUYỆN/TP/TX.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày ..... tháng..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi**  
**trên đất trồng lúa năm .....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/HUYỆN/TP/TX.....**

*Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày ....tháng ....năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ của huyện ....;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-.... Của Ủy ban nhân dân tỉnh ... về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...;*

*Theo đề nghị .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm .....”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều .....**

**Điều .....**

*Nơi nhận:*

.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/HUYỆN/TP/TX...**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

## KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM...

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ...  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã...)

Đơn vị tính: ha

STT	Xã/phường/thị trấn	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	<b>Tổng số</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	<b>Trong đó:</b>					
1	<b>Xã/phường/thị trấn A</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	<b>Xã/phường/thị trấn B</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	<b>Xã/phường/thị trấn ...</b>					
...	...					